

日本語	英語／English	中国語簡体字／简体中文	韓国朝鮮語／한국·조선어	ベトナム語／Tiếng Việt
委任状	Authorization of Proxy	委托书（授权委托书）	위임장	Giấy ủy quyền
年 月 日	Date of submission	年 月 日	년 월 일	Ngày tháng năm
委任者（証明が必要な方）	[Individual whose information is required]	委托人（需要出具证明者）	위임인(증명이 필요한 분)	Người ủy quyền (người cần giấy chứng nhận)
住所	Address	住址：	주소	Địa chỉ
氏名	Full name (last, first, middle)	姓名：	성명	Họ và tên
自筆でない場合は押印が必要です。	(If not handwritten by the individual: please stamp here with said individual's personal stamp.)	(如非本人亲笔签名，需加盖印章。)	자필이 아닌 경우는 날인이 필요합니다.	Trường hợp không ký tay thì cần đóng dấu cá nhân.
生年月日	Date of birth	出生日期：	생년월일	Ngày tháng năm sinh
大・昭・平・令・西暦 年 月 日	(Circle 西曆, YYYY年MM月DD日)	大正・昭和・平成・令和・公历 年 月 日	다이쇼・쇼와・헤이세이・레이와・서력 년 월 일	Taisho / Showa / Heisei / Reiwa / Dương lịch Ngày tháng năm
電話番号	TEL	电话号码：	전화번호	Số điện thoại
下記の者に税務証明書の申請を委任します。	I authorize the following person (proxy) to request a tax certificate on my behalf:	现委托下列人员代理申请税务证明书。	아래의 사람에게 세무 증명서의 신청을 위임합니다.	Tôi ủy quyền cho người ghi dưới đây nộp đơn xin Giấy chứng nhận thuế.
代理人（証明を取りに来られる方）	[Proxy Representative for the Individual]	代理人（前来领取证明者）	대리인(증명을 받으러 오시는 분)	Người được ủy quyền (người đến nhận giấy chứng nhận)
住所	Address	住址：	주소	Địa chỉ
氏名	Full name (last, first, middle)	姓名：	성명	Họ và tên
生年月日	Date of birth	出生日期：	생년월일	Ngày tháng năm sinh
大・昭・平・令・西暦 年 月 日	(Circle 西曆, YYYY年MM月DD日)	大正・昭和・平成・令和・公历 年 月 日	다이쇼・쇼와・헤이세이・레이와・서력 년 월 일	Taisho / Showa / Heisei / Reiwa / Dương lịch Ngày tháng năm
※委任状は必ず本人が自署または記名押印してください。	※ The individual whose information is required must fill out the document by hand, or stamp the form to authorize its authenticity with their personal stamp (inkan).	※ 授权委托书必须由本人亲自署名或签字盖章。	※위임장은 반드시 본인이 자필 서명하시거나 기명 날인해 주십시오.	※ Giấy ủy quyền bắt buộc phải do chính người ủy quyền ký tay hoặc ghi tên và đóng dấu cá nhân.
※代理人の方の本人確認をさせていただきます。	※ The proxy representative will have to present a form of ID when submitting this document.	※ 将对代理人的身份证明进行核实。	※대리인의 본인 확인을 합니다.	※ Chúng tôi sẽ xác minh giấy tờ tùy thân của người được ủy quyền.
※委任者ごとに委任状をご用意ください。	※ Each proxy representative must present their own 'authorization of proxy' form.	※ 每位委托人须各自准备一份授权委托书。	※위임인마다 위임장을 준비해 주십시오.	※ Vui lòng chuẩn bị giấy ủy quyền riêng cho từng người ủy quyền.
※偽り、その他不正な手段により委任状を偽造した場合は、刑罰の対象となります。（刑法第159条・161条）。	※Falsified proxy authorization via forgery or other wrongful means is subject to the penalty for forgery of a power of attorney. (Articles 159 and 161 of the Penal Code)	※如果授权委托书是伪造或使用其他非法手段作假时，将成为处罚的对象。《刑法第159条・161条》	※거짓, 그 외 부정한 수단으로 위임장을 위조한 경우는 형벌의 대상이 됩니다(형법 제159조, 161조).	※ Hành vi làm giả giấy ủy quyền bằng thông tin sai sự thật hoặc các hành vi gian lận khác, sẽ bị xử phạt theo pháp luật (Bộ luật Hình sự Nhật Bản – Điều 159, Điều 161).